

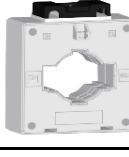





BẢNG GIÁ BIÊN DÒNG MASTER - LOẠI HỘP NHỰA



(Áp dụng từ T03-2026)

Photo Hình ảnh	Order code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)			Unit ĐVT	Price list (VND)
			ID	OD	T		
METERING CURRENT TRANSFORMER (MCT)/ BIÊN DÒNG ĐO LƯỜNG							
	MBH-30/50/5/3/2.5	MCT 50/5A, CL. 3, 2.5VA	11x31	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-30/75/5/3/2.5	MCT 75/5A CL. 3, 2.5VA	11x32	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-30/50/5/1/2.5(2T)	MCT 50/5A (2T) , CL. 1, 2.5VA	11x31	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-30/75/5/1/2.5(2T)	MCT 75/5A (2T) , CL. 1, 2.5VA	11x32	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-30/100/5/1/2.5	MCT 100/5A, CL. 1, 2.5VA	11x33	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-30/150/5/1/3.75	MCT 150/5A, CL. 1, 3.75VA	11x34	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-30/200/5/1/5	MCT 200/5A, CL. 1, 5VA	11x35	61x79	64	Cái	164,000
	MBH-40/250/5/0.5/5	MCT 250/5A, CL. 0.5, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	187,000
	MBH-40/300/5/0.5/5	MCT 300/5A, CL. 0.5, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	187,000
	MBH-40/400/5/0.5/5	MCT 400/5A, CL. 0.5, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	187,000
	MBH-40/500/5/0.5/5	MCT 500/5A, CL. 0.5, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	187,000
	MBH-40/600/5/0.5/5	MCT 600/5A, CL. 0.5, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	187,000
	MBH-40/630/5/0.5/5	MCT 630/5A, CL. 0.5, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	237,000
	MBH-60/800/5/0.5/10	MCT 800/5A, CL. 0.5, 10VA	21x62	102x125	57	Cái	290,000
	MBH-60/1000/5/0.5/15	MCT 1000/5A, CL. 0.5, 15VA	21x62	102x125	57	Cái	312,000
	MBH-60/1200/5/0.5/15	MCT 1200/5A, CL. 0.5, 15VA	21x62	102x125	57	Cái	352,000
	MBH-60/1250/5/0.5/15	MCT 1250/5A, CL. 0.5, 15VA	21x62	102x125	57	Cái	402,000
	MBH-80/800/5/0.5/15	MCT 800/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	401,000
	MBH-80/1000/5/0.5/15	MCT 1000/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	424,000
	MBH-80/1200/5/0.5/15	MCT 1200/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	429,000
	MBH-80/1250/5/0.5/15	MCT 1250/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	459,000
	MBH-80/1600/5/0.5/15	MCT 1600/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	463,000
	MBH-80/2000/5/0.5/15	MCT 2000/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	553,000
	MBH-80/2500/5/0.5/15	MCT 2500/5A, CL. 0.5, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	553,000
	MBH-100/1600/5/0.5/15	MCT 1600/5A, CL. 0.5, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	575,000
	MBH-100/2000/5/0.5/15	MCT 2000/5A, CL. 0.5, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	621,000
	MBH-100/2500/5/0.5/15	MCT 2500/5A, CL. 0.5, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	697,000
	MBH-100/3000/5/0.5/15	MCT 3000/5A, CL. 0.5, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	745,000
	MBH-100/3200/5/0.5/15	MCT 3200/5A, CL. 0.5, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	825,000
	MBH-200/4000/5/0.5/15	MCT 4000/5A, CL. 0.5, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,250,000
	MBH-200/5000/5/0.5/15	MCT 5000/5A, CL. 0.5, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,325,000
	MBH-200/6000/5/0.5/15	MCT 6000/5A, CL. 0.5, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,563,000
	MBH-200/6300/5/0.5/15	MCT 6300/5A, CL. 0.5, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,638,000

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT



TRAO GIÁ TRỊ - NHẬN NIỀM TIN



THIEN LOC PHAT TECHNOLOGY TRADING CO., LTD

Liaison office: No. 22, Street 14 (38ha Area), Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Head office: 11/34 Thoai Ngoc Hau Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: 090 110 4339 - 0932 706 899; Email: nuongpham@thienlocphatelectric.com

Website: http://thienlocphatelectric.com; http://giadiencongnghep.com

**BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG MASTER -
LOẠI EPOXY VỎ NHỰA CAO CẤP**
(Áp dụng từ T03-2026)



Photo Hình ảnh	Oder code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)			Unit ĐVT	Price list (VND)
			ID	OD	T		
METERING CURRENT TRANSFORMER (MCT)- EPOXY TYPE WITH PLASTIC CASE/ BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - LOẠI EPOXY VỎ NHỰA							
	MBH-30EX/50/5/3/2.5	MCT 50/5A CL.3, 2.5VA	11x31	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-30EX/75/5/3/2.5	MCT 75/5A , CL. 1, 2.5VA	11x32	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-30EX/50/5/1/2.5(2T)	MCT 50/5A (2T), CL.1, 2.5VA	11x31	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-30EX/75/5/1/2.5(2T)	MCT 75/5A (2T), CL. 1, 2.5VA	11x32	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-30EX/100/5/1/2.5	MCT 100/5A, CL. 1, 2.5VA	11x33	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-30EX/150/5/1/3.75	MCT 150/5A, CL. 1, 3.75VA	11x34	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-30EX/200/5/1/5	MCT 200/5A, CL. 1, 5VA	11x35	61x79	64	Cái	255,000
	MBH-40EX/250/5/1/5	MCT 250/5A, CL. 1, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	272,000
	MBH-40EX/300/5/1/5	MCT 300/5A, CL. 1, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	272,000
	MBH-40EX/400/5/1/5	MCT 400/5A, CL. 1, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	302,000
	MBH-40EX/500/5/1/5	MCT 500/5A, CL. 1, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	317,000
	MBH-40EX/600/5/1/5	MCT 600/5A, CL. 1, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	333,000
	MBH-40EX/630/5/1/5	MCT 630/5A, CL. 1, 5VA	11x42	75x97	57	Cái	383,000
	MBH-60EX/800/5/1/10	MCT 800/5A, CL. 1, 10VA	21x62	102x125	57	Cái	444,000
	MBH-60EX/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL. 1, 15VA	21x62	102x125	57	Cái	488,000
	MBH-60EX/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL. 1, 15VA	21x62	102x125	57	Cái	532,000
	MBH-60EX/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL. 1, 15VA	21x62	102x125	57	Cái	582,000
	MBH-80EX/800/5/1/15	MCT 800/5A, CL. 1, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	497,000
	MBH-80EX/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL. 1, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	536,000
	MBH-80EX/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL. 1, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	575,000
	MBH-80EX/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL. 1, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	575,000
	MBH-80EX/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL. 1, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	629,000
	MBH-80EX/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL. 1, 15VA	51x82	122x147	62	Cái	664,000
	MBH-100EX/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL. 1, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	738,000
	MBH-100EX/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL. 1, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	791,000
	MBH-100EX/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL. 1, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	857,000
	MBH-100EX/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL. 1, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	934,000
	MBH-100EX/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL. 1, 15VA	51x102	149x154	61	Cái	1,200,000
	MBH-200EX/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL. 1, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,528,000
	MBH-200EX/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL. 1, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,619,000
	MBH-200EX/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL. 1, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	1,910,000
	MBH-200EX/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL. 1, 15VA	82x202	247x182	61	Cái	2,059,000

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT



THIEN LOC PHAT TECHNOLOGY TRADING CO., LTD

Liaison office: No. 22, Street 14 (38ha Area), Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Head office: 11/34 Thoai Ngoc Hau Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: 090 110 4339 - 0932 706 899; Email: nuongpham@thienlocphatelectric.com


Website: http://thienlocphatelectric.com; http://giadiencongnghe.com

TRAO GIÁ TRỊ - NHẬN NIỀM TIN



**BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG MASTER -
LOẠI HỘP NHỰA 3 PHA**

(Áp dụng từ T03-2026)

Photo Hình ảnh	Oder code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)			Unit ĐVT	Price list (VND)
			ID	OD	T		
THREE PHASE METERING CURRENT TRANSFORMER (MCT) / BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG 3 PHA							
	MRT3P-75/50/5/3/1.5	MCT 3P-50/5A, CL.3, 1.5VA	15x15	75x63	75	Cái	726,000
	MRT3P-75/75/5/3/1.5	MCT 3P-75/5A, CL.3, 1.5VA	15x15	75x63	75	Cái	726,000
	MRT3P-75/100/5/3/1.5	MCT 3P-100/5A, CL.3, 1.5VA	15x15	75x63	75	Cái	726,000
	MRT3P-75/125/5/3/1.5	MCT 3P-125/5A, CL.3, 1.5VA	15x15	75x63	75	Cái	726,000
	MRT3P-90/50/5/1/1.5	MCT 3P-50/5A, CL.1, 1.5VA	16x30	90x80	74	Cái	726,000
	MRT3P-90/75/5/1/1.5	MCT 3P-75/5A, CL.1, 1.5VA	16x30	90x80	74	Cái	726,000
	MRT3P-90/100/5/1/1.5	MCT 3P-100/5A, CL.1, 1.5VA	16x30	90x80	74	Cái	726,000
	MRT3P-90/125/5/1/2.5	MCT 3P-125/5A, CL.1, 2.5VA	16x30	90x80	74	Cái	726,000
	MRT3P-90/150/5/1/2.5	MCT 3P-150/5A, CL.1, 2.5VA	16x30	90x80	74	Cái	726,000
	MRT3P-105/50/5/1/1.5	MCT 3P-50/5A, CL.1, 1.5VA	21x25	105x80	52	Cái	597,000
	MRT3P-105/75/5/1/1.5	MCT 3P-75/5A, CL.1, 1.5VA	21x25	105x80	52	Cái	597,000
	MRT3P-105/100/5/1/1.5	MCT 3P-100/5A, CL.1, 1.5VA	21x25	105x80	52	Cái	629,000
	MRT3P-105/125/5/1/2.5	MCT 3P-125/5A, CL.1, 2.5VA	21x25	105x80	52	Cái	629,000
	MRT3P-105/150/5/1/2.5	MCT 3P-150/5A, CL.1, 2.5VA	21x25	105x80	52	Cái	629,000
	MRT3P-105/200/5/1/2.5	MCT 3P-200/5A, CL.1, 2.5VA	21x25	105x80	52	Cái	641,000
	MRT3P-105/250/5/1/2.5	MCT 3P-250/5A, CL.1, 2.5VA	21x25	105x80	52	Cái	641,000
	MRT3P-140/300/5/1/3.75	MCT 3P-300/5A, CL.1, 3.75VA	31x31	142x91	55	Cái	738,000
	MRT3P-140/400/5/1/3.75	MCT 3P-400/5A, CL.1, 3.75VA	31x31	142x91	55	Cái	738,000
	MRT3P-140/500/5/1/3.75	MCT 3P-500/5A, CL.1, 3.75VA	31x31	142x91	55	Cái	777,000
	MRT3P-140/600/5/1/3.75	MCT 3P-600/5A, CL.1, 3.75VA	31x31	142x91	55	Cái	777,000
	MRT3P-140/630/5/1/3.75	MCT 3P-630/5A, CL.1, 3.75VA	31x31	142x91	55	Cái	820,000
	MRT3P-214/500/5/1/5	MCT 3P-500/5A, CL.1, 5VA	54x50	214x124	52	Cái	1,121,000
	MRT3P-214/600/5/1/5	MCT 3P-600/5A, CL.1, 5VA	54x50	214x124	53	Cái	1,156,000
	MRT3P-214/630/5/1/5	MCT 3P-630/5A, CL.1, 5VA	54x50	214x124	53	Cái	1,166,000
	MRT3P-214/800/5/1/10	MCT 3P-800/5A, CL.1, 10VA	54x50	214x124	54	Cái	1,180,000

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT



TRAO GIÁ TRỊ - NHẬN NIỀM TIN



THIEN LOC PHAT TECHNOLOGY TRADING CO., LTD

Liaison office: No. 22, Street 14 (38ha Area), Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Head office: 11/34 Thoai Ngoc Hau Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: 090 110 4339 - 0932 706 899; Email: nuongpham@thienlocphatelectric.com

Website: <http://thienlocphatelectric.com>; <http://giadiencongnghep.com>

BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG RCT MASTER

(Áp dụng từ T03-2026)

Photo Hình ảnh	Oder code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price list (VND)
			ID	OD	T	H		
METERING CURRENT TRANSFORMER (MCT)/ BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG ĐO LƯỜNG RCT								
	RCT-35/50/5/3/2.5	MCT 50/5A, CL. 3, 2.5VA	35	77	53	93	Cái	124,000
	RCT-35/75/5/3/2.5	MCT 75/5A, CL. 3, 2.5VA					Cái	124,000
	RCT-35/100/5/3/2.5	MCT 100/5A, CL. 3, 2.5VA					Cái	124,000
	RCT-35/150/5/1/5	MCT 150/5A, CL.1, 5VA					Cái	133,000
	RCT-35/200/5/1/5	MCT 200/5A, CL.1, 5VA					Cái	133,000
	RCT-35/250/5/1/5	MCT 250/5A, CL.1, 5VA					Cái	133,000
	RCT-35/300/5/1/5	MCT 300/5A, CL.1, 5VA					Cái	133,000
	RCT-45/400/5/1/10	MCT 400/5A, CL.1, 10VA	44	89	50	102	Cái	181,000
	RCT-45/500/5/1/10	MCT 500/5A, CL.1, 10VA					Cái	189,000
	RCT-45/600/5/1/10	MCT 600/5A, CL.1, 10VA					Cái	211,000
	RCT-45/630/5/1/10	MCT 630/5A, CL.1, 10VA					Cái	251,000
	RCT-65/400/5/1/10	MCT 400/5A, CL.1, 10VA	65	110	55	125	Cái	199,000
	RCT-65/500/5/1/10	MCT 500/5A, CL.1, 10VA					Cái	213,000
	RCT-65/600/5/1/10	MCT 600/5A, CL.1, 10VA					Cái	237,000
	RCT-65/630/5/1/10	MCT 630/5A, CL.1, 10VA					Cái	277,000
	RCT-90/800/5/1/15	MCT 800/5A, CL.1, 15VA	90	134	52	148	Cái	261,000
	RCT-90/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA					Cái	284,000
	RCT-90/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA					Cái	323,000
	RCT-90/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA					Cái	363,000
	RCT-110/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA	110	150	52	163	Cái	339,000
	RCT-110/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA					Cái	347,000
	RCT-110/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA					Cái	390,000
	RCT-110/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA					Cái	427,000
	RCT-110/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA					Cái	457,000
	RCT-125/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA	125	175	45	190	Cái	593,000
	RCT-125/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA					Cái	720,000
	RCT-125/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA					Cái	875,000
	RCT-125/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA					Cái	950,000
	RCT-125/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,133,000
	RCT-195/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA	195	243	45	255	Cái	923,000
	RCT-195/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,025,000
	RCT-195/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,125,000
RCT-195/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	Cái					1,283,000	
RCT-195/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA	Cái					1,385,000	
RCT-195/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA	Cái					1,618,000	
RCT-195/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA	Cái	1,818,000					

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT



TRAO GIÁ TRỊ - NHẬN NIỀM TIN



THIEN LOC PHAT TECHNOLOGY TRADING CO., LTD

Liaison office: No. 22, Street 14 (38ha Area), Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Head office: 11/34 Thoai Ngoc Hau Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: 090 110 4339 - 0932 706 899; Email: nuongpham@thienlocphatelectric.com

Website: http://thienlocphatelectric.com; http://giadiencongnghiep.com

BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG MASTER LOẠI BĂNG QUẤN
(Áp dụng từ T03-2026)


Photo Hình ảnh	Oder code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price list (VND)
			ID	OD	T	H		
METERING CURRENT TRANSFORMER - TAP TYPE/ BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG BĂNG QUẤN								
	MR-C28/50/5/3/3	MCT 50/5A, CL.3, 3VA	28	65	35	95	Cái	167,000
	MR-C28/75/5/3/3	MCT 75/5A, CL.3, 3VA					Cái	167,000
	MR-C28/100/5/1/1.5	MCT 100/5A, CL.1, 1.5VA					Cái	170,000
	MR-C28/150/5/1/3.75	MCT 150/5A, CL.1, 3.75VA					Cái	170,000
	MR-C35/100/5/1/1.5	MCT 100/5A, CL.1, 1.5VA	35	65	35	95	Cái	178,000
	MR-C35/150/5/1/3.75	MCT 150/5A, CL.1, 3.75VA					Cái	178,000
	MR-C35/200/5/1/5	MCT 200/5A, CL.1, 5VA					Cái	178,000
	MR-C35/250/5/1/5	MCT 250/5A, CL.1, 5VA					Cái	178,000
	MR-C35/300/5/1/5	MCT 300/5A, CL.1, 5VA	Cái	178,000				
	MR-C45/400/5/1/10	MCT 400/5A, CL.1, 10VA	45	75	30	105	Cái	206,000
	MR-C45/500/5/1/10	MCT 500/5A, CL.1, 10VA					Cái	206,000
	MR-C45/600/5/1/10	MCT 600/5A, CL.1, 10VA					Cái	206,000
	MR-C45/630/5/1/10	MCT 630/5A, CL.1, 10VA					Cái	276,000
	MR-C65/400/5/1/10	MCT 400/5A, CL.1, 10VA	65	95	30	125	Cái	220,000
	MR-C65/500/5/1/10	MCT 500/5A, CL.1, 10VA					Cái	251,000
	MR-C65/600/5/1/10	MCT 600/5A, CL.1, 10VA					Cái	265,000
	MR-C65/630/5/1/10	MCT 630/5A, CL.1, 10VA					Cái	335,000
	MR-C65/400/5/1/15	MCT 400/5A, CL.1, 15VA	65	100	35	130	Cái	330,000
	MR-C65/500/5/1/15	MCT 500/5A, CL.1, 15VA					Cái	376,500
	MR-C65/600/5/1/15	MCT 600/5A, CL.1, 15VA					Cái	397,500
	MR-C65/630/5/1/15	MCT 630/5A, CL.1, 15VA					Cái	502,500
	MR-C100/800/5/1/15	MCT 800/5A, CL.1, 15VA	100	135	30	170	Cái	334,000
	MR-C100/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA					Cái	362,000
	MR-C100/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA					Cái	389,000
	MR-C100/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA					Cái	459,000
	MR-C100/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA	Cái	494,000				
	MR-C110/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA	110	145	30	175	Cái	514,000
	MR-C110/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA					Cái	603,000
	MR-C125/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA	125	160	30	190	Cái	890,000
	MR-C125/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA					Cái	890,000
	MR-C125/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,057,000
	MR-C125/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,127,000
	MR-C125/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	Cái	1,335,000				
	MR-C160/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	160	215	30	245	Cái	1,395,000
	MR-C160/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,405,000
MR-C160/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA	Cái					1,635,000	
MR-C160/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA	Cái					1,708,000	
MR-C190/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA	190	250	40	280	Cái	1,558,000	
MR-C190/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,809,000	
MR-C190/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA					Cái	1,905,000	

Photo Hình ảnh	Oder code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price list (VND)
			ID	OD	T	H		
PROTECTION CURRENT TRANSFORMER - TAP TYPE/ BIẾN DÒNG BẢO VỆ BĂNG QUẢN								
	PR-C28/100/5/5P10/5	PCT 100/5A, CL. 5P10, 5VA	28	115	80	145	Cái	1,692,000
	PR-C28/150/5/5P10/5	PCT 150/5A, CL. 5P10, 5VA	28	95	80	125	Cái	1,580,000
	PR-C30/200/5/5P10/5	PCT 200/5A, CL. 5P10, 5VA	30	95	70	125	Cái	1,510,000
	PR-C30/250/5/5P10/5	PCT 250/5A, CL. 5P10, 5VA	30	90	70	120	Cái	1,510,000
	PR-C30/300/5/5P10/5	PCT 300/5A, CL. 5P10, 5VA	30	90	60	120	Cái	1,040,000
	PR-C45/400/5/5P10/5	PCT 400/5A, CL. 5P10, 5VA	45	95	60	125	Cái	962,000
	PR-C55/500/5/5P10/5	PCT 500/5A, CL. 5P10, 5VA	55	100	60	130	Cái	962,000
	PR-C55/600/5/5P10/5	PCT 600/5A, CL. 5P10, 5VA	55	100	60	130	Cái	962,000
	PR-C55/630/5/5P10/5	PCT 630/5A, CL. 5P10, 5VA	55	100	60	130	Cái	1,012,000
	PR-C28/100/5/5P10/10	PCT 100/5A, CL. 5P10, 10VA	28	130	150	160	Cái	1,848,000
	PR-C28/150/5/5P10/15	PCT 150/5A, CL. 5P10, 15VA	28	120	130	150	Cái	2,464,000
	PR-C30/200/5/5P10/15	PCT 200/5A, CL. 5P10, 15VA	30	120	90	150	Cái	1,848,000
	PR-C30/250/5/5P10/15	PCT 250/5A, CL. 5P10, 15VA	30	110	90	140	Cái	1,571,000
	PR-C30/300/5/5P10/15	PCT 300/5A, CL. 5P10, 15VA	30	100	90	130	Cái	1,325,000
	PR-C45/400/5/5P10/15	PCT 400/5A, CL. 5P10, 15VA	45	105	80	135	Cái	1,354,000
	PR-C55/500/5/5P10/15	PCT 500/5A, CL. 5P10, 15VA	55	115	70	145	Cái	1,108,000
	PR-C55/600/5/5P10/15	PCT 600/5A, CL. 5P10, 15VA	55	115	70	145	Cái	1,171,000
	PR-C55/630/5/5P10/15	PCT 630/5A, CL. 5P10, 15VA	55	115	70	140	Cái	1,271,000
	PR-C75/800/5/5P10/15	PCT 800/5A, CL. 5P10, 15VA	75	130	60	160	Cái	999,000
	PR-C75/1000/5/5P10/15	PCT 1000/5A, CL. 5P10, 15VA	75	130	60	160	Cái	1,027,000
	PR-C75/1200/5/5P10/15	PCT 1200/5A, CL. 5P10, 15VA	75	130	50	160	Cái	1,027,000
	PR-C75/1250/5/5P10/15	PCT 1250/5A, CL. 5P10, 15VA	75	130	50	160	Cái	1,127,000
	PR-C90/1600/5/5P10/15	PCT 1600/5A, CL. 5P10, 15VA	90	140	50	170	Cái	1,147,000
	PR-C130/2000/5/5P10/15	PCT 2000/5A, CL. 5P10, 15VA	130	185	40	215	Cái	1,228,000
	PR-C130/2500/5/5P10/15	PCT 2500/5A, CL. 5P10, 15VA	130	185	40	215	Cái	1,289,000
	PR-C130/3000/5/5P10/15	PCT 3000/5A, CL. 5P10, 15VA	130	170	40	200	Cái	1,467,000
	PR-C130/3200/5/5P10/15	PCT 3200/5A, CL. 5P10, 15VA	130	170	40	200	Cái	1,567,000
	PR-C160/4000/5/5P10/15	PCT 4000/5A, CL. 5P10, 15VA	160	215	40	245	Cái	2,503,000
	PR-C160/5000/5/5P10/15	PCT 5000/5A, CL. 5P10, 15VA	160	215	40	245	Cái	2,801,000
	PR-C160/6000/5/5P10/15	PCT 6000/5A, CL. 5P10, 15VA	160	215	40	245	Cái	2,978,000
PR-C160/6300/5/5P10/15	PCT 6300/5A, CL. 5P10, 15VA	160	215	40	245	Cái	3,098,000	

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT



THIEN LOC PHAT TECHNOLOGY TRADING CO., LTD

Liaison office: No. 22, Street 14 (38ha Area), Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Head office: 11/34 Thoai Ngoc Hau Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: 090 110 4339 - 0932 706 899; Email: nuongpham@thienlocphatelectric.com

Website: http://thienlocphatelectric.com; http://giadiencongnghep.com



BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG MASTER - LOẠI ĐÚC EPOXY (Áp dụng từ T3-2026)





Photo Hình ảnh	Order Code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price (VND)
			ID	OD	T	H		
METERING CURRENT TRANSFORMER - EPOXY ROUND TYPE BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - LOẠI ĐÚC EPOXY TRÒN								
	MCT-TWE/20/5/1/5/WB	MCT 20/5A, CL.1, 5VA		110	105	165	Cái	974,000
	MCT-TWE/30/5/1/5/WB	MCT 30/5A, CL.1, 5VA		110	105	165	Cái	974,000
	MCT-TWE/40/5/1/5/WB	MCT 40/5A, CL.1, 5VA		110	105	165	Cái	974,000
	MCT-TWE/50/5/1/5/WB	MCT 50/5A, CL.1, 5VA		110	105	165	Cái	974,000
	MCT-TWE/60/5/1/5/WB	MCT 60/5A, CL.1, 5VA		110	105	165	Cái	974,000
	MCT-TWE/75/5/1/5/WB	MCT 75/5A, CL.1, 5VA		110	105	165	Cái	974,000
	MCT-CBE25/100/5/1/5	MCT 100/5A, CL.1, 5VA	25	75	70	95	Cái	548,000
	MCT-CBE25/150/5/1/5	MCT 150/5A, CL.1, 5VA	25	70	50	95	Cái	563,000
	MCT-CBE30/200/5/1/5	MCT 200/5A, CL.1, 5VA	30	80	40	105	Cái	489,000
	MCT-CBE30/250/5/1/5	MCT 250/5A, CL.1, 5VA	30	75	40	95	Cái	489,000
	MCT-CBE30/300/5/1/5	MCT 300/5A, CL.1, 5VA	30	75	40	95	Cái	489,000
	MCT-CBE45/400/5/1/5	MCT 400/5A, CL.1, 5VA	45	85	40	105	Cái	504,000
	MCT-CBE55/500/5/1/5	MCT 500/5A, CL.1, 5VA	55	95	40	115	Cái	567,000
	MCT-CBE55/600/5/1/5	MCT 600/5A, CL.1, 5VA	55	95	40	115	Cái	683,000
	MCT-CBE55/630/5/1/5	MCT 630/5A, CL.1, 5VA	55	95	40	115	Cái	758,000
	MCT-CBE30/200/5/1/10	MCT 200/5A, CL.1, 10VA	30	80	50	105	Cái	605,000
	MCT-CBE30/250/5/1/10	MCT 250/5A, CL.1, 10VA	30	75	50	95	Cái	605,000
	MCT-CBE30/300/5/1/10	MCT 300/5A, CL.1, 10VA	30	80	50	100	Cái	605,000
	MCT-CBE45/400/5/1/10	MCT 400/5A, CL.1, 10VA	45	90	40	110	Cái	640,000
	MCT-CBE55/500/5/1/10	MCT 500/5A, CL.1, 10VA	55	100	40	120	Cái	665,000
	MCT-CBE55/600/5/1/10	MCT 600/5A, CL.1, 10VA	55	100	40	120	Cái	800,000
	MCT-CBE55/630/5/1/10	MCT 630/5A, CL.1, 10VA	55	100	40	120	Cái	876,000
	MCT-CBE30/200/5/1/15	MCT 200/5A, CL.1, 15VA	30	90	50	110	Cái	678,000
	MCT-CBE30/250/5/1/15	MCT 250/5A, CL.1, 15VA	30	85	50	105	Cái	741,000
	MCT-CBE30/300/5/1/15	MCT 300/5A, CL.1, 15VA	30	90	50	115	Cái	741,000
	MCT-CBE45/400/5/1/15	MCT 400/5A, CL.1, 15VA	45	100	40	120	Cái	741,000
	MCT-CBE55/500/5/1/15	MCT 500/5A, CL.1, 15VA	55	105	40	125	Cái	756,000
	MCT-CBE55/600/5/1/15	MCT 600/5A, CL.1, 15VA	55	105	40	125	Cái	835,000
	MCT-CBE55/630/5/1/15	MCT 630/5A, CL.1, 15VA	55	105	40	125	Cái	910,000

Photo Hình ảnh	Order Code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price (VND)
			ID	OD	T	H		
METERING CURRENT TRANSFORMER - EPOXY ROUND TYPE BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - LOẠI ĐÚC EPOXY TRÒN								
	MCT-CBE75/800/5/1/15	MCT 800/5A, CL.1, 15VA	75	115	35	135	Cái	886,000
	MCT-CBE75/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA	75	115	35	135	Cái	917,000
	MCT-CBE75/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA	75	115	35	135	Cái	947,000
	MCT-CBE75/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA	75	115	35	135	Cái	1,023,000
	MCT-CBE90/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA	90	130	35	150	Cái	1,152,000
	MCT-CBE130/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA	130	170	35	190	Cái	1,179,000
	MCT-CBE130/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA	130	170	35	190	Cái	1,353,000
	MCT-CBE130/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA	130	170	35	190	Cái	1,556,000
	MCT-CBE130/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA	130	170	35	190	Cái	1,632,000
	MCT-CBE160/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	160	210	35	230	Cái	2,254,000
	MCT-CBE160/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA	160	210	35	230	Cái	2,596,000
	MCT-CBE160/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA	160	210	35	230	Cái	2,811,000
	MCT-CBE160/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA	160	210	35	230	Cái	2,887,000
METERING CURRENT TRANSFORMER - EPOXY RECTANGLE TYPE BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - LOẠI ĐÚC EPOXY VUÔNG								
	MCT-SBE50x105/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA	50x105	100x155	35	130	Cái	917,000
	MCT-SBE50x105/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA	50x105	100x155	35	130	Cái	947,000
	MCT-SBE50x105/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA	50x105	100x155	35	130	Cái	1,023,000
	MCT-SBE50x105/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA	50 x 105	100 x 155	35	130	Cái	1,152,000
	MCT-SBE50x105/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA	50 x 105	100 x 155	35	130	Cái	1,179,000
	MCT-SBE50x105/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA	50 x 105	100 x 155	35	130	Cái	1,353,000
	MCT-SBE70x140/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA	70 x 140	110 x 180	35	140	Cái	1,556,000
	MCT-SBE70x140/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA	70 x 140	110 x 180	35	140	Cái	1,632,000
	MCT-SBE100x170/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	100 x 170	160 x 220	35	190	Cái	2,254,000
	MCT-SBE100x170/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA	100 x 170	160 x 220	35	190	Cái	2,596,000
	MCT-SBE100x170/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA	100 x 170	160 x 220	35	190	Cái	2,811,000
	MCT-SBE100x170/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA	100 x 170	160 x 220	35	190	Cái	2,887,000



Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT

Photo Hình ảnh	Order Code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price (VND)
			ID	OD	T	H		
PROTECTION CURRENT TRANSFORMER - EPOXY ROUND TYPE BIẾN DÒNG BẢO VỆ - LOẠI ĐÚC EPOXY TRÒN								
	PCT-CBE25/100/5/5P10/5	PCT 100/5A, CL.5P10, 5VA	25	115	80	135	Cái	1,861,000
	PCT-CBE25/150/5/5P10/5	PCT 150/5A, CL.5P10, 5VA	25	95	80	115	Cái	1,738,000
	PCT-CBE30/200/5/5P10/5	PCT 200/5A, CL.5P10, 5VA	30	95	70	115	Cái	1,661,000
	PCT-CBE30/250/5/5P10/5	PCT 250/5A, CL.5P10, 5VA	30	90	70	110	Cái	1,661,000
	PCT-CBE30/300/5/5P10/5	PCT 300/5A, CL.5P10, 5VA	30	90	60	110	Cái	1,144,000
	PCT-CBE45/400/5/5P10/5	PCT 400/5A, CL.5P10, 5VA	45	95	60	115	Cái	1,058,000
	PCT-CBE55/500/5/5P10/5	PCT 500/5A, CL.5P10, 5VA	55	100	60	120	Cái	1,058,000
	PCT-CBE55/600/5/5P10/5	PCT 600/5A, CL.5P10, 5VA	55	100	60	120	Cái	1,058,000
	PCT-CBE55/630/5/5P10/5	PCT 630/5A, CL.5P10, 5VA	55	100	60	120	Cái	1,168,000
	PCT-CBE25/100/5/5P10/10	PCT 100/5A, CL.5P10, 10VA	25	120	110	140	Cái	2,033,000
	PCT-CBE25/150/5/5P10/15	PCT 150/5A, CL.5P10, 15VA	25	120	110	140	Cái	2,710,000
	PCT-CBE30/200/5/5P10/15	PCT 200/5A, CL.5P10, 15VA	30	120	90	140	Cái	2,033,000
	PCT-CBE30/250/5/5P10/15	PCT 250/5A, CL.5P10, 15VA	30	110	90	130	Cái	1,728,000
	PCT-CBE30/300/5/5P10/15	PCT 300/5A, CL.5P10, 15VA	30	100	90	120	Cái	1,458,000
	PCT-CBE45/400/5/5P10/15	PCT 400/5A, CL.5P10, 15VA	45	105	80	125	Cái	1,489,000
	PCT-CBE55/500/5/5P10/15	PCT 500/5A, CL.5P10, 15VA	55	110	70	130	Cái	1,219,000
	PCT-CBE55/600/5/5P10/15	PCT 600/5A, CL.5P10, 15VA	55	110	70	130	Cái	1,288,000
	PCT-CBE55/630/5/5P10/15	PCT 630/5A, CL.5P10, 15VA	55	110	70	130	Cái	1,398,000
	PCT-CBE75/800/5/5P10/15	PCT 800/5A, CL.5P10, 15VA	75	130	60	150	Cái	1,099,000
	PCT-CBE75/1000/5/5P10/15	PCT 1000/5A, CL.5P10, 15VA	75	130	60	150	Cái	1,130,000
	PCT-CBE75/1200/5/5P10/15	PCT 1200/5A, CL.5P10, 15VA	75	130	50	150	Cái	1,130,000
	PCT-CBE75/1250/5/5P10/15	PCT 1250/5A, CL.5P10, 15VA	75	130	50	150	Cái	1,240,000
	PCT-CBE90/1600/5/5P10/15	PCT 1600/5A, CL.5P10, 15VA	90	140	50	160	Cái	1,262,000
	PCT-CBE130/2000/5/5P10/15	PCT 2000/5A, CL.5P10, 15VA	130	185	40	205	Cái	1,351,000
	PCT-CBE130/2500/5/5P10/15	PCT 2500/5A, CL.5P10, 15VA	130	185	40	205	Cái	1,418,000
	PCT-CBE130/3000/5/5P10/15	PCT 3000/5A, CL.5P10, 15VA	130	185	40	205	Cái	1,614,000
	PCT-CBE130/3200/5/5P10/15	PCT 3200/5A, CL.5P10, 15VA	130	185	40	205	Cái	1,724,000
	PCT-CBE160/4000/5/5P10/15	PCT 4000/5A, CL.5P10, 15VA	160	215	40	235	Cái	2,753,000
	PCT-CBE160/5000/5/5P10/15	PCT 5000/5A, CL.5P10, 15VA	160	215	40	235	Cái	3,081,000
	PCT-CBE160/6000/5/5P10/15	PCT 6000/5A, CL.5P10, 15VA	160	215	40	235	Cái	3,276,000
PCT-CBE160/6300/5/5P10/15	PCT 6300/5A, CL.5P10, 15VA	160	215	40	235	Cái	3,386,000	
PROTECTION CURRENT TRANSFORMER - EPOXY RECTANGLE TYPE BIẾN DÒNG BẢO VỆ - LOẠI ĐÚC EPOXY VUÔNG								
	PCT-SBE50x105/1600/5/5P10/15	PCT 1600/5A, CL.5P10, 15VA	50 x 105	100 x 155	50	130	Cái	1,262,000
	PCT-SBE50x105/2000/5/5P10/15	PCT 2000/5A, CL.5P10, 15VA	50 x 105	100 x 155	50	130	Cái	1,351,000
	PCT-SBE50x105/2500/5/5P10/15	PCT 2500/5A, CL.5P10, 15VA	50 x 105	100 x 155	50	130	Cái	1,418,000
	PCT-SBE70x140/3000/5/5P10/15	PCT 3000/5A, CL.5P10, 15VA	70 x 140	110 x 180	40	140	Cái	1,614,000
	PCT-SBE70x140/3200/5/5P10/15	PCT 3200/5A, CL.5P10, 15VA	70 x 140	110 x 180	40	140	Cái	1,724,000
	PCT-SBE100x170/4000/5/5P10/15	PCT 4000/5A, CL.5P10, 15VA	100 x 170	160 x 220	40	190	Cái	2,753,000
	PCT-SBE100x170/5000/5/5P10/15	PCT 5000/5A, CL.5P10, 15VA	100 x 170	160 x 220	40	190	Cái	3,081,000
	PCT-SBE100x170/6000/5/5P10/15	PCT 6000/5A, CL.5P10, 15VA	100 x 170	160 x 220	40	190	Cái	3,276,000
	PCT-SBE100x170/6300/5/5P10/15	PCT 6300/5A, CL.5P10, 15VA	100 x 170	160 x 220	40	190	Cái	3,386,000



Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT

BẢNG GIÁ BIẾN DÒNG MASTER - LOẠI ĐÚC EPOXY

(Áp dụng từ T03-2026)

Photo Hình ảnh	Order Code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price (VND)
			ID	OD	T	H		
METERING CURRENT TRANSFORMER - EPOXY ROUND TYPE								
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - LOẠI ĐÚC EPOXY TRÒN								
	MCT-CRE20/50/5/3/5/WB	MCT 50/5A, CL.3, 5VA	20	100	90	140	Cái	701.000
	MCT-CRE20/75/5/3/5/WB	MCT 75/5A, CL.3, 5VA	20	100	70	140	Cái	667.000
	MCT-CRE25/100/5/1/5/WB	MCT 100/5A, CL.1, 5VA	25	100	65	140	Cái	634.000
	MCT-CRE30/150/5/1/5/WB	MCT 150/5A, CL.1, 5VA	30	100	65	140	Cái	612.000
	MCT-CRE40/200/5/1/5/WB	MCT 200/5A, CL.1, 5VA	40	100	65	140	Cái	576.000
	MCT-CRE40/250/5/1/5/WB	MCT 250/5A, CL.1, 5VA	40	100	60	140	Cái	576.000
	MCT-CRE40/300/5/1/5/WB	MCT 300/5A, CL.1, 5VA	40	100	60	140	Cái	569.000
	MCT-CRE55/400/5/1/5/WB	MCT 400/5A, CL.1, 5VA	55	115	50	155	Cái	581.000
	MCT-CRE55/500/5/1/5/WB	MCT 500/5A, CL.1, 5VA	55	115	45	155	Cái	600.000
	MCT-CRE60/600/5/1/5/WB	MCT 600/5A, CL.1, 5VA	60	115	45	155	Cái	612.000
	MCT-CRE60/630/5/1/5/WB	MCT 630/5A, CL.1, 5VA	60	115	45	155	Cái	682.000
	MCT-CRE40/200/5/1/10/WB	MCT 200/5A, CL.1, 10VA	40	105	65	145	Cái	674.000
	MCT-CRE40/250/5/1/10/WB	MCT 250/5A, CL.1, 10VA	40	100	65	140	Cái	634.000
	MCT-CRE40/300/5/1/10/WB	MCT 300/5A, CL.1, 10VA	40	100	55	140	Cái	634.000
	MCT-CRE55/400/5/1/10/WB	MCT 400/5A, CL.1, 10VA	55	115	55	155	Cái	652.000
	MCT-CRE55/500/5/1/10/WB	MCT 500/5A, CL.1, 10VA	55	115	55	155	Cái	669.000
	MCT-CRE60/600/5/1/10/WB	MCT 600/5A, CL.1, 10VA	60	115	55	155	Cái	692.000
	MCT-CRE60/630/5/1/10/WB	MCT 630/5A, CL.1, 10VA	60	115	55	155	Cái	762.000
	MCT-CRE40/200/5/1/15/WB	MCT 200/5A, CL.1, 15VA	40	105	65	145	Cái	753.000
	MCT-CRE40/250/5/1/15/WB	MCT 250/5A, CL.1, 15VA	40	105	65	145	Cái	739.000
	MCT-CRE40/300/5/1/15/WB	MCT 300/5A, CL.1, 15VA	40	100	65	140	Cái	840.000
	MCT-CRE55/400/5/1/15/WB	MCT 400/5A, CL.1, 15VA	55	115	65	155	Cái	727.000
	MCT-CRE55/500/5/1/15/WB	MCT 500/5A, CL.1, 15VA	55	115	65	155	Cái	741.000
	MCT-CRE60/600/5/1/15/WB	MCT 600/5A, CL.1, 15VA	60	115	55	155	Cái	763.000
	MCT-CRE60/630/5/1/15/WB	MCT 630/5A, CL.1, 15VA	60	115	55	155	Cái	833.000
	MCT-CRE85/800/5/1/15/WB	MCT 800/5A, CL.1, 15VA	85	150	40	190	Cái	595.000
	MCT-CRE85/1000/5/1/15/WB	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA	85	150	40	190	Cái	605.000
	MCT-CRE85/1200/5/1/15/WB	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA	85	150	40	190	Cái	627.000
	MCT-CRE85/1250/5/1/15/WB	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA	85	150	40	190	Cái	697.000
	MCT-CRE85/1600/5/1/15/WB	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA	85	150	40	190	Cái	670.000
MCT-CRE125/2000/5/1/15/WB	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA	125	180	40	220	Cái	692.000	
MCT-CRE125/2500/5/1/15/WB	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA	125	180	40	220	Cái	754.000	
MCT-CRE125/3000/5/1/15/WB	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA	125	180	40	220	Cái	775.000	
MCT-CRE125/3200/5/1/15/WB	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA	125	180	40	220	Cái	845.000	
MCT-CRE150/4000/5/1/15/WB	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	150	210	40	250	Cái	982.000	
MCT-CRE160/5000/5/1/15/WB	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA	160	230	42	270	Cái	1,178.000	
MCT-CRE160/6000/5/1/15/WB	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA	160	230	42	270	Cái	1,366.000	
MCT-CRE160/6300/5/1/15/WB	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA	160	230	42	270	Cái	1,455.000	
METERING CURRENT TRANSFORMER - EPOXY RECTANGLE TYPE								
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - LOẠI ĐÚC EPOXY VUÔNG								
	MCT-SRE50x85/800/5/1/15	MCT 800/5A, CL.1, 15VA	50x85	110x145	45	170	Cái	595.000
	MCT-SRE50x85/1000/5/1/15	MCT 1000/5A, CL.1, 15VA	50x85	110x145	45	170	Cái	605.000
	MCT-SRE50x85/1200/5/1/15	MCT 1200/5A, CL.1, 15VA	50x85	110x145	45	170	Cái	627.000
	MCT-SRE50x85/1250/5/1/15	MCT 1250/5A, CL.1, 15VA	50x85	110x145	45	170	Cái	697.000
	MCT-SRE50x85/1600/5/1/15	MCT 1600/5A, CL.1, 15VA	50x85	110x145	42	170	Cái	670.000
	MCT-SRE50x85/2000/5/1/15	MCT 2000/5A, CL.1, 15VA	50x85	110x145	42	170	Cái	692.000
	MCT-SRE80x125/2500/5/1/15	MCT 2500/5A, CL.1, 15VA	80x125	140x180	42	205	Cái	754.000
	MCT-SRE80x125/3000/5/1/15	MCT 3000/5A, CL.1, 15VA	80x125	140x180	42	205	Cái	775.000
	MCT-SRE80x125/3200/5/1/15	MCT 3200/5A, CL.1, 15VA	80x125	140x180	42	205	Cái	845.000
	MCT-SRE80x155/4000/5/1/15	MCT 4000/5A, CL.1, 15VA	80x155	150x220	42	245	Cái	982.000
	MCT-SRE80x155/5000/5/1/15	MCT 5000/5A, CL.1, 15VA	80x155	150x220	43	245	Cái	1,178.000
	MCT-SRE80x155/6000/5/1/15	MCT 6000/5A, CL.1, 15VA	80x155	160x220	43	245	Cái	1,366.000
	MCT-SRE80x155/6300/5/1/15	MCT 6300/5A, CL.1, 15VA	80x155	160x220	43	245	Cái	1,455.000

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT

Photo Hình ảnh	Order Code Mã đặt hàng	Description Mô tả	Dimension Kích Thước (mm)				Unit ĐVT	Price (VND)
			ID	OD	T			
PROTECTION CURRENT TRANSFORMER - EPOXY ROUND TYPE BIẾN DÒNG BẢO VỆ - LOẠI ĐÚC EPOXY TRÒN								
	PCT-CRE40/100/5/5P10/5/WB	PCT 100/5A, CL.5P10, 5VA	40	110	110	150	Cái	956,000
	PCT-CRE40/150/5/5P10/5/WB	PCT 150/5A, CL.5P10, 5VA	40	110	110	150	Cái	923,000
	PCT-CRE40/200/5/5P10/5/WB	PCT 200/5A, CL.5P10, 5VA	40	110	80	150	Cái	840,000
	PCT-CRE40/250/5/5P10/5/WB	PCT 250/5A, CL.5P10, 5VA	40	115	65	155	Cái	807,000
	PCT-CRE40/300/5/5P10/5/WB	PCT 300/5A, CL.5P10, 5VA	40	115	55	155	Cái	807,000
	PCT-CRE55/400/5/5P10/5/WB	PCT 400/5A, CL.5P10, 5VA	55	130	50	170	Cái	824,000
	PCT-CRE55/500/5/5P10/5/WB	PCT 500/5A, CL.5P10, 5VA	55	115	55	155	Cái	829,000
	PCT-CRE60/600/5/5P10/5/WB	PCT 600/5A, CL.5P10, 5VA	60	115	45	155	Cái	840,000
	PCT-CRE60/630/5/5P10/5/WB	PCT 630/5A, CL.5P10, 5VA	60	115	50	155	Cái	940,000
	PCT-CRE40/100/5/5P10/10/WB	PCT 100/5A, CL.5P10, 10VA	40	110	145	150	Cái	1,472,000
	PCT-CRE40/150/5/5P10/15/WB	PCT 150/5A, CL.5P10, 15VA	40	110	145	150	Cái	1,416,000
	PCT-CRE40/200/5/5P10/15/WB	PCT 200/5A, CL.5P10, 15VA	40	110	110	150	Cái	1,246,000
	PCT-CRE40/250/5/5P10/15/WB	PCT 250/5A, CL.5P10, 15VA	40	110	110	150	Cái	1,268,000
	PCT-CRE40/300/5/5P10/15/WB	PCT 300/5A, CL.5P10, 15VA	40	110	100	150	Cái	1,223,000
	PCT-CRE55/400/5/5P10/15/WB	PCT 400/5A, CL.5P10, 15VA	55	125	90	165	Cái	1,246,000
	PCT-CRE55/500/5/5P10/15/WB	PCT 500/5A, CL.5P10, 15VA	55	125	80	165	Cái	1,200,000
	PCT-CRE60/600/5/5P10/15/WB	PCT 600/5A, CL.5P10, 15VA	60	125	70	165	Cái	1,177,000
	PCT-CRE60/630/5/5P10/15/WB	PCT 630/5A, CL.5P10, 15VA	60	125	70	165	Cái	1,280,000
	PCT-CRE85/800/5/5P10/15/WB	PCT 800/5A, CL.5P10, 15VA	85	155	70	195	Cái	1,021,000
	PCT-CRE85/1000/5/5P10/15/WB	PCT 1000/5A, CL.5P10, 15VA	85	155	70	195	Cái	960,000
	PCT-CRE85/1200/5/5P10/15/WB	PCT 1200/5A, CL.5P10, 15VA	85	155	70	195	Cái	997,000
	PCT-CRE85/1250/5/5P10/15/WB	PCT 1250/5A, CL.5P10, 15VA	85	155	70	195	Cái	1,097,000
	PCT-CRE85/1600/5/5P10/15/WB	PCT 1600/5A, CL.5P10, 15VA	85	155	60	195	Cái	1,032,000
	PCT-CRE125/2000/5/5P10/15/WB	PCT 2000/5A, CL.5P10, 15VA	125	190	50	230	Cái	1,032,000
	PCT-CRE125/2500/5/5P10/15/WB	PCT 2500/5A, CL.5P10, 15VA	125	190	50	230	Cái	1,056,000
	PCT-CRE125/3000/5/5P10/15/WB	PCT 3000/5A, CL.5P10, 15VA	125	190	50	230	Cái	1,097,000
	PCT-CRE125/3200/5/5P10/15/WB	PCT 3200/5A, CL.5P10, 15VA	125	190	50	230	Cái	1,197,000
	PCT-CRE150/4000/5/5P10/15/WB	PCT 4000/5A, CL.5P10, 15VA	150	215	50	255	Cái	1,320,000
PCT-CRE160/5000/5/5P10/15/WB	PCT 5000/5A, CL.5P10, 15VA	160	235	50	275	Cái	1,608,000	
PCT-CRE160/6000/5/5P10/15/WB	PCT 6000/5A, CL.5P10, 15VA	160	235	50	275	Cái	1,728,000	
PCT-CRE160/6300/5/5P10/15/WB	PCT 6300/5A, CL.5P10, 15VA	160	235	50	275	Cái	1,828,000	
PROTECTION CURRENT TRANSFORMER - EPOXY RECTANGLE TYPE BIẾN DÒNG BẢO VỆ - LOẠI ĐÚC EPOXY VUÔNG								
	PCT-SRE50x85/800/5/5P10/15	PCT 800/5A, CL.5P10, 15VA	50x85	120x150	80	175	Cái	1,021,000
	PCT-SRE50x85/1000/5/5P10/15	PCT 1000/5A, CL.5P10, 15VA	50x85	120x155	70	180	Cái	960,000
	PCT-SRE50x85/1200/5/5P10/15	PCT 1200/5A, CL.5P10, 15VA	50x85	120x155	70	180	Cái	997,000
	PCT-SRE50x85/1250/5/5P10/15	PCT 1250/5A, CL.5P10, 15VA	50x85	120x155	70	180	Cái	1,097,000
	PCT-SRE50x85/1600/5/5P10/15	PCT 1600/5A, CL.5P10, 15VA	50x85	120x155	65	180	Cái	1,032,000
	PCT-SRE50x85/2000/5/5P10/15	PCT 2000/5A, CL.5P10, 15VA	50x85	120x160	60	185	Cái	1,032,000
	PCT-SRE80x125/2500/5/5P10/15	PCT 2500/5A, CL.5P10, 15VA	80x125	150x195	55	220	Cái	1,056,000
	PCT-SRE80x125/3000/5/5P10/15	PCT 3000/5A, CL.5P10, 15VA	80x125	150x195	55	220	Cái	1,097,000
	PCT-SRE80x125/3200/5/5P10/15	PCT 3200/5A, CL.5P10, 15VA	80x125	155x195	55	220	Cái	1,197,000
	PCT-SRE80x155/4000/5/5P10/15	PCT 4000/5A, CL.5P10, 15VA	80x155	155x225	50	250	Cái	1,320,000
	PCT-SRE80x155/5000/5/5P10/15	PCT 5000/5A, CL.5P10, 15VA	80x155	155x225	50	250	Cái	1,608,000
	PCT-SRE80x155/6000/5/5P10/15	PCT 6000/5A, CL.5P10, 15VA	80x155	155x225	50	250	Cái	1,728,000
	PCT-SRE80x155/6300/5/5P10/15	PCT 6300/5A, CL.5P10, 15VA	80x155	155x225	50	250	Cái	1,828,000

Bảng giá chưa bao gồm thuế GTGT